

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HS-ST**
Ngày 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Đoàn

Ông Nguyễn Hải Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lê Chí H1**; sinh năm 1984 tại xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đèo và bà Nguyễn Thúy Hằng; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, ngày 30/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng; nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10 ngày 15/3/2002 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/HSST ngày 25/02/2003 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án trước, Lê Chí H1 phải chấp hành tổng cộng 36 tháng tù;

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2005/HSST ngày 07/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”;

+ Tại bản án hình sự phúc thẩm số 157/2011/HSPT ngày 15/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại bản án hình sự phúc thẩm số 172/2012/HSPT ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”;

+ Ngày 07/5/2010 bị Công an xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau xử phạt 500.000 đồng về hành vi “đánh nhau”;

+ Ngày 07/6/2011 bị Công an huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”;

Bị bắt tạm giam ngày 18/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị cáo thứ hai:*

Họ và tên: **Phạm Vũ T**; sinh năm 1986 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng Sơn (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hương; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, ngày 31/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2010/HSST ngày 06/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại bản án hình sự phúc thẩm số 106/2010/HSPT ngày 02/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Bị bắt tạm giam ngày 18/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lê Ngọc H2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 10/5/2020 Lê Chí H1 thuê xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu cam đen của anh Huỳnh Ngọc Đức đến phòng trọ của Phạm Vũ T ở xã T đến huyện U Minh mua gà đá thì T đồng ý. T điều khiển xe chở H1 đi từ thành phố Cà Mau đến ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh ghé vào tiệm tạp hóa của bà Trần Ngọc Huệ để mua thuốc lá nhưng không có ai bán. Lúc này H1 thấy chiếc xe Vario 150 biển số 69H1-329.87 của chị Lê Ngọc H2 đang đậu trước tiệm tạp hóa nhưng không khóa cốp nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong xe. H1 lên đến mở cốp xe lấy chiếc cặp da màu đen rồi lên xe cho T điều khiển chạy vào trong đường T15 thuộc ấp 12 xã Khánh An. Đến đoạn đường vắng, T dừng xe tìm tài sản nhưng trong cặp không

có tài sản giá trị mà chỉ có giấy tờ tùy thân và một chìa khóa xe điện tử. Khi thấy chìa khóa điện tử H1 và T nghĩ là chìa khóa của chiếc xe Vario 150 nên cùng nhau quay lại kiểm tra, nếu đúng thì sẽ chiếm đoạt xe này.

Sau đó T điều khiển xe chở H1 quay lại phía bên kia bờ sông đối diện nhà bà Huệ, T dùng chìa khóa bấm thử thì thấy đuôi xe Vario 150 nhá đèn. Biết chắc chắn là chìa khóa xe Vario 150 nên H1 rủ T quay lại lấy trộm thì T đồng ý. Khi đến trước tiệm tạp hóa của bà Huệ, H1 quay đầu xe về hướng thành phố Cà Mau đồng thời canh đường cho T còn T thì lên đi vào dẫn xe của chị H2 ra lộ rồi cùng Hiếu chạy về hướng Cà Mau. Liền lúc này bà Huệ và chị H1 phát hiện mất trộm nên đã tri hô nhưng không kịp nên đến công an xã Khánh An và gọi điện cho cảnh sát 113 trình báo sự việc.

Sau khi lấy được xe, H1 điều khiển xe chạy về thành phố Cà Mau còn T thì điều khiển xe vừa trộm được chạy trên một số tuyến đường thuộc địa bàn xã Khánh An huyện U Minh, xã Hồ Thị Kỷ huyện Thới Bình nhằm tránh sự truy đuổi. Khi đến đoạn đường gần cầu Bạch Ngưu thì xe báo hết xăng nên T điện thoại cho H1 kêu mua xăng đem lại rồi cả hai đổi xe cho nhau tiếp tục chạy về hướng thành phố Cà Mau. H1 chạy xe trộm được chạy về đến khu Licogi thì bị cảnh sát 113 phát hiện và truy đuổi đến đoạn đường Đình Tiên Hoàng, phường 9, thành phố Cà Mau thì bị bắt cùng tang vật còn T thì điều khiển xe chạy thoát. Đến ngày 15/5/2020 Công an huyện U Minh mời Phạm Vũ T làm việc. Quá trình điều tra, H1 và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Tại kết luận định giá số 08/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Vario 150 màu xanh đen biển kiểm soát 69H1-329.87 mua mới 100% vào ngày 05/4/2020 tại thời điểm ngày 10/5/2020 có giá trị là 53.163.000 đồng.

Về vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vario 150 màu xanh đen biển kiểm soát 69H1-329.87 đã trả lại cho chị H2.

- Các giấy tờ tùy thân gồm sổ hộ khẩu mang tên Lê Văn Kiệp, hộ chiếu, giấy phép lái xe, thẻ ATM, thẻ cư trú mang tên Lê Ngọc H2 và 01 chiếc cặp da màu đen đã trả lại cho chị H2.

- 01 áo thun ngắn tay màu trắng, 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ có bông xanh và 01 quần Jean dài màu xanh có chữ DOLC&GABB là trang phục mà Phạm Vũ T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

- 01 chai nhựa màu xanh đã qua sử dụng không rõ nhãn hiệu dung tích 1.25 lít phía trên đầu nút có cột một sợi dây tếp màu xanh mà H1 dùng để mua xăng mang lại cho T đổ vào xe đã trộm được.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Air Blade màu cam đen biển kiểm soát 69B1-353.15 mà H1 sử dụng làm phương tiện đi trộm, qua điều tra xác định xe này do chủ sở hữu Huỳnh Ngọc Đức cho H1 thuê làm phương tiện đi lại, việc H1 sử dụng xe đi trộm cắp tài sản anh Đức không biết nên không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 10/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Lê Chí H1 và Phạm Vũ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo Lê Chí H1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo Phạm Vũ T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm 01 (một) chai nhựa màu xanh dung tích 1.25 lít đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ, có bông xanh; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng; 01 (một) quần jean dài màu xanh.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho bị hại nhưng bị hại vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy lời khai của bị hại trong quá trình điều tra đã rõ, không ảnh hưởng đến quá trình xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lê Chí H1, Phạm Vũ T thừa nhận vào trưa ngày 10/5/2020, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chị Lê Ngọc H2 trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt của chị H2 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Vario 150 màu xanh đen biển kiểm soát 69H1-329.87. Tại kết luận định giá số 08/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị chiếc xe tại thời điểm chiếm đoạt là 53.163.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo và bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 10/9/2020

của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Lê Chí H1 và Phạm Vũ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và bản tính lười lao động mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

Các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc kế hoạch, phân công vai trò cụ thể nên trường hợp phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định bị cáo H1 có vai trò quan trọng hơn do chính bị cáo H1 là người rủ bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, từ đó quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H1 có bác ruột tên Lê Văn Sửu là Liệt sĩ, bị cáo T có dì ruột tên Nguyễn Thị Quyên được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân xấu, đều có 01 tiền sự về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo H1 đã bị Tòa án xét xử 05 lần, trong đó 04 lần cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 lần về tội “Đánh bạc” và 02 lần bị xử phạt hành chính. Bị cáo T đã bị Tòa án xét xử 02 lần, 01 lần về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 lần về tội “Cướp giật tài sản”. Tuy các lần bị xét xử và xử phạt hành chính của các bị cáo không bị xem là tiền án, tiền sự nhưng qua đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy vật chứng đã thu giữ gồm 01 (một) chai nhựa màu xanh dung tích 1.25 lít, ở cổ chai có cột sợi dây nhựa (loại dây tép, màu xanh); 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ, có bông xanh; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng; 01 (một) quần jean dài màu xanh không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[7]. Đối với các tài sản đã thu giữ gồm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vario 150 màu xanh đen biển kiểm soát 69H1-329.87 và các giấy tờ tùy thân gồm sổ hộ khẩu mang tên Lê Văn Kiệp, hộ chiếu, giấy phép lái xe, thẻ ATM, thẻ cư trú mang tên Lê Ngọc H2 và 01 chiếc cặp da màu đen đã trả lại cho chị H2; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Air Blade màu cam đen biển kiểm soát 69B1-353.15 mà H1 sử dụng làm phương tiện đi trộm, qua điều tra xác định xe này do chủ sở hữu Huỳnh Ngọc Đức cho H1 thuê làm phương tiện đi lại, việc H1 sử dụng xe đi trộm cắp tài sản anh Đức không biết nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Chí H1, Phạm Vũ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Chí H1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18/5/2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Vũ T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18/5/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ gồm: 01 (một) chai nhựa màu xanh dung tích 1.25 lít, ở cổ chai có cột sợi dây nhựa (loại dây tép, màu xanh); 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đỏ, có bông xanh; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng; 01 (một) quần jean dài màu xanh. Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện U quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/9/2020.

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý